

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 22/11/2022

V/v: “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ thanh toán”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long

Bà Nguyễn Thị Nguyễn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Thiệu Thị Th, sinh năm 1956 (Có mặt)

Ông Thiệu Văn S, sinh năm 1952

Đều có địa chỉ tại: thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền: Ông Thiệu Văn S ủy quyền cho bà Thiệu Th, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thiệu Thị Th bà Lê Thị Phụng – Công ty luật TNHH Lê Phụng Hoàng (Có mặt).

Người làm chứng:

Anh Thiệu Sỹ T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Thiệu Văn N, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Lê Thị L, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Phúc Tr, xã Đông Th, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày như sau:*

Trong khoảng cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 2019 (âm lịch) bà Thiều Thị Th cho bà D vay 50.000.000đ tại nhà bà D (không ghi vào sổ). Đến khoảng ngày 19, 20 tháng 01 năm 2020 (âm lịch) bà Th cho bà D vay thêm 60.000.000đ, bà Th thỏa thuận với bà D là 2 lần vay ghi gộp lại là 110.000.000đ vào ngày 01/01/2020 (âm lịch), bà D đồng ý và trực tiếp ghi vào sổ theo hướng dẫn của bà Th với nội dung: Tôi D Đ có vay bà Th 110.000.000đ lãi 1% vào ngày 01/01/2020 (âm lịch).

Đầu tháng 02/2020 (âm lịch) bà Th nói với ông Đ (chồng bà D) với nội dung: Bà D có vay lãi của bà Th 110.000.000đ, bà Th định cuối năm làm nhà nhưng không làm mà làm vào đầu năm. Số tiền 110.000.000đ lãi bà Th không tính lãi nữa mà gia đình ông Đ đặt xi sắt vật liệu xây dựng cho bà Th làm nhà.

Từ ngày 20/02/2020 (âm lịch) gia đình nhà bà D chở xi măng, sắt vật liệu xây dựng cho nhà bà Th để bà xây dựng căn nhà 2 tầng và công trình phụ quanh nhà tại thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S. Trong thời gian làm nhà gia đình bà D và bà Th thỏa thuận thanh toán tạm ứng số tiền nguyên vật liệu 02 lần như sau:

- Lần 1: Bà Th thanh toán cho bà Dung 30.000.000đ.
- Lần 2: Bà Th thanh toán cho con trai bà D là anh Thiều Văn N 30.000.000đ.

Gia đình bà D chở nguyên vật liệu cho nhà bà Th đến ngày 21/8/2020 (âm lịch) thì kết thúc vì nhà bà Th đã làm xong nhà. Bà D gặp bà Th để chốt khối lượng nguyên vật liệu đã chở. Sau đó, bà Th đến nhà bà D yêu cầu bà D phải trả 110.000.000đ tiền vay lãi và 50.000.000đ tiền vay lãi trước đó là tổng 160.000.000đ thì bà Th mới thanh toán tiền nguyên vật liệu làm nhà. Vợ chồng bà D nhiều lần yêu cầu bà Th đem giấy vay tiền ra để đối chiếu công nợ và thanh toán nhưng bà Th không cung cấp giấy vay nợ. Từ đó đến nay bà Th liên tục trốn tránh và không thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho gia đình bà D. Do đó, nay bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu gia đình bà Th phải trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu cho gia đình bà D là 208.487.000đ (sau khi đã trừ đi 60.000.000đ đã trả qua 02 lần thanh toán trong quá trình chở vật liệu).

** Bị đơn bà Thiều Thị Th trình bày:*

Do có mối quan hệ anh em họ hàng, bà D gọi bà Th là mợ, xuất phát từ nhu cầu của các bên, bà Th đã cho bà D vay tiền tổng cộng 06 lần sau:

- Lần 1: Ngày 08/8/2018 âm lịch (tức ngày 17/9/2018 dương lịch) bà Th cho bà D vay 6.000.000 đồng, lãi 1%/tháng. (Bà D không ghi sổ)

- Lần 2: Ngày 18/9/2019 âm lịch (tức ngày 18/8/2019 dương lịch) bà Th cho bà D vay 50.000.000 đồng, lãi 1%/tháng. Bà Th mang ra nhà cho bà D. (Bà D không ghi sổ)

- Lần 3: Ngày 30/12/2019 âm lịch (tức ngày 24/01/2020 dương lịch) bà Th cho bà D vay 110.000.000 đồng, lãi 1%/tháng, bà Th đưa tiền cho bà D tại nhà bà Th. Bà D đề nghị ghi vào sổ là vay ngày 01/01/2020 âm lịch cho dễ tính lãi, bà Th đồng ý. Bà D là người ghi vào sổ nợ.

- Lần 4: Ngày 16/01/2020 âm lịch (tức ngày 09/02/2020 dương lịch) bà Th cho bà D vay 60.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm. Bà Th tự tay ghi vào sổ số tiền bà D vay.

Đến tháng 3/2020 âm lịch, gia đình bà Th xây nhà mới nên có nhờ gia đình bà D chở vật liệu xây dựng, bà Th đề nghị chuyển số tiền 110.000.000 đồng bà Th cho bà D vay ngày 01/01/2020 vào tiền lấy vật liệu xây dựng, không tính lãi nữa.

- Lần 5: Trong thời gian xây nhà, bà Th cho bà D vay 30.000.000 đồng. (Bà D không ghi sổ)

- Lần 6: Trong thời gian xây nhà, bà D nhờ con trai là anh Thiều Văn N vào nhà bà Th 30.000.000 đồng. (Bà D không ghi sổ)

Vậy, tổng số tiền bà D vay của bà Th là 286.000.000 đồng, lãi 1%/tháng.

Sau khi xây nhà xong, bà Th đến gặp bà D để tính tổng số tiền mua vật liệu, bà D đưa cho bà Th 02 tờ giấy ghi chót vật liệu do bà D tự tính với tổng số tiền là 267.259.000 đồng. Sau khi hai bên thỏa thuận, thống nhất trừ số tiền bà D vay của bà Th 110.000.000 đồng ngày 01/01/2020 và 60.000.000 đồng trong quá trình xây dựng bà D vay của bà Th, tổng là 170.000.000 đồng vào số tiền mua vật liệu. Theo bà D, sau khi trừ 170.000.000 đồng tiền vay thì bà Th còn phải thanh toán cho bà D số tiền mua vật liệu là 97.259.000 đồng, do tin tưởng bà Th đã trả hết số tiền này cho bà D. Đối với số tiền 116.000.000 đồng bà D đề nghị để lại vay tiếp và sẽ trả lãi cho bà Th.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà Th không đồng ý, yêu cầu bà D cung cấp giấy tờ chốt công nợ giá trị vật liệu giữa hai bên làm căn cứ giải quyết vụ án. Nếu bà D cung cấp được giấy tờ chốt công nợ giá trị vật liệu thì bà Th yêu cầu Tòa án trừ đi số tiền 97.259.000 đồng mà bà Th đã thanh toán cho bà D.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 14/3/2022 của bà Th trình bày: Yêu cầu khởi kiện của bà D là không có căn cứ pháp luật vì: Không có tài liệu nào xác định chính xác số tiền vật liệu mà bà D đã cung cấp cho gia đình bà, bà không đồng ý với số tiền vật liệu xây dựng mà bà D đưa ra yêu cầu bà phải trả, bà D vay bà, bà D còn cố tình quên thì tôi hoàn toàn có căn cứ nghi ngờ số tiền vật liệu xây dựng do bà D tự tính từ trước đến nay để yêu cầu vợ chồng bà trả là không chính xác. Nếu bà D có biên bản chốt công nợ có chữ ký của vợ chồng bà thể hiện số tiền vật liệu xây dựng đúng như bà D nêu thì gia đình tôi đã thanh toán đủ cho bà D thông qua việc đối trừ công nợ và trả thêm bằng tiền mặt, bà D vẫn còn nợ bà 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng) lãi suất 1%/tháng nhưng không chịu thanh toán.

Đối với nội dung khởi kiện của bà , bà đã có bản tự khai không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D, đề nghị Tòa án buộc bà D phải có tài liệu chốt công nợ giữa hai bên, cung cấp chứng cứ xác định chính xác số tiền mua vật liệu xây dựng để lấy

căn cứ giải quyết vụ án. Khi bà D đã cung cấp đủ chứng cứ là giấy tờ chót công nợ xác định số tiền vật liệu xây dựng thì đề nghị Tòa án trừ đi số tiền mặt bà đã thanh toán là 97.259.000đ khi giải quyết vụ án.

Đồng thời, đối với số tiền 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng) bà D vay bà, do bà D không trung thực, lợi dụng lòng tin của bà để chiếm đoạt tài sản của bà nên đến nay bà cũng không đồng ý việc đối trừ nghĩa vụ trước đây nữa, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, bà làm đơn này phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Lê Thị D phải trả nợ cho bà số tiền đã vay là 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).

- Buộc bà D trả lãi vay cho bà, tạm tính từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2021 (16 tháng) là 286.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng = 45.760.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Đề nghị Tòa án buộc bà D phải trả lãi đến khi trả hết số tiền gốc vay cho tôi.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2021 và biên bản hòa giải ngày 08/11/2021 bà Thiều Thị Th trình bày bà chấp nhận số tiền gia đình bà đã mua vật liệu của nhà bà Lê Thị D là 267.259.000 đồng và bà đã trả được 60.000.000đ cộng số tiền bà D vay lại 110.000.000đ bằng 70.000.000đ số tiền còn lại bà đã trả cho bà D.

* Tại bản tự khai ngày 07/12/2021, ông S (chồng bà Th) trình bày: Ông S biết bà Th nhiều lần cho bà D vay tiền với tổng số tiền là 286.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng đúng như bà Th trình bày. Tháng 3/2020 âm lịch, gia đình ông S bà Th tiến hành xây nhà mới nên có nhờ gia đình bà D chở vật liệu xây dựng, ông S không biết chính xác số tiền vật liệu xây dựng là bao nhiêu, giữa hai bên chưa có số liệu chót công nợ.

* Người làm chứng:

- Ngày 16/6/2022 anh Thiều Sỹ T trình bày: Ngày 29/11/2020 anh có thuê xe nhà ông Thiều Văn Đ và bà Lê Thị D chở 8 xe đất đào bể phốt nhà vệ sinh anh thấy ông Đ chở đất sang nhà bà Thiều Thị Th để đổ.

- Ngày 18/8/2022 anh Thiều Văn N trình bày: Anh là con trai bà Lê Thị D, trong thời gian nhà bà Thiều Thị Th làm nhà tôi có vào nhà bà Th lấy 30.000.000đ về đưa cho mẹ anh, ngoài ra anh không lấy thêm lần nào nữa.

- Ngày 12/9/2022 bà Lê Thị L trình bày: Ngày 30/12/2019 (âm lịch) bà có gọi điện cho bà Th hỏi mua ba con gà khi bà đến bắt gà bà thấy có một người đi xe máy đến làm gì thì bà không biết, chỉ đi xe máy ra về thì có một người khác đi bộ đến hỏi bà D Đ đến làm gì, bà Th nói đến để vay tiền người đó hỏi vay nhiều không bà Th nói 110.000.000 đồng sau đó bà bắt gà rồi về.

Ngày 14/10/2022 tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với số lượng sắt thép mà gia đình bà đã bán cho bà Thiều Thị Th xây dựng căn nhà hai tầng, công trình phụ, sân, cổng.

Ngày 26/10/2022 Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã làm công văn gửi Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng, Thanh Hóa.

Ngày 02/11/2022 Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng, Thanh Hóa. Căn theo chức năng nhiệm vụ tại Quyết định số 212/QĐ ngày 18/01/2006 của Chủ tịch

UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa, trong đó không có chức năng thẩm định tài sản.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Bà Lê Thị D đề nghị số tiền bà nợ trừ đi số tiền bà Th đang nợ tiền vật liệu xây dựng của gia đình bà là 268.487.000 đồng và số tiền bà nợ bà Th là 170.000.000 đồng. Như vậy bà Th còn phải trả cho bà số tiền là 98.487.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các quy định sau đây:

+ Khoản 3 Điều 4 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020.

Bị đơn không đồng ý sử dụng tài liệu, lời trình bày của mình trong quá trình hòa giải tại trung tâm hòa giải làm chứng cứ nên đề nghị HĐXX không sử dụng nội dung trình bày của bị đơn tại trung tâm hòa giải để giải quyết vụ án.

+ Khoản 4 Điều 96; khoản 3 Điều 248 BLTTDS.

Đề nghị HĐXX không chấp nhận bản ghi hình mà nguyên đơn xuất trình là chứng cứ khi giải quyết vụ án.

Khi nộp bản ghi hình, nguyên đơn không xuất trình “Văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm, thu hình đó” theo quy định tại khoản 2 Điều 95 BLTTDS. Theo như nguyên đơn trình bày thì video do chồng của nguyên đơn là ông Thiệu Văn Đ ghi. Tuy nhiên, trong hồ sơ không có văn bản trình bày của ông Thiệu Văn Đ về việc ghi âm ghi hình mà chỉ có văn bản trình bày của bà Lê Thị D. Mặc dù, ông Đ và bà D là vợ chồng nhưng về mặt pháp lý, ông Đ và bà D là 2 chủ thể hoàn toàn khác nhau.

Do đó, bản ghi hình không đảm bảo thuộc tính của chứng cứ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 95 BLTTDS không sử dụng bản ghi hình này là chứng cứ khi giải quyết vụ án.

Video mà nguyên đơn xuất trình không hợp pháp vì trong video có hình ảnh của vợ chồng bà Th, ông S nhưng việc ghi hình không được sự đồng ý của bà Th, ông S được quy định tại Khoản 1 Điều 32 BLDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 32 BLDS năm 2015 yêu cầu bà D chấm dứt việc sử dụng hình ảnh của vợ chồng bà Th trong video trong vụ án này cũng như tại bất kỳ nơi nào khác.

Về nội dung: Giả sử bản ghi hình đảm bảo quy định để được xem là chứng cứ giải quyết vụ án, thì video này không đủ căn cứ xác định số lượng, giá trị vật liệu xây dựng mua bán giữa hai bên. Do đó, về nội dung thì video cũng không thể chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tổng số tiền qua các lần bà D vay bà Thoa là 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng) với lãi suất 1%/tháng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của Khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 469 BLDS 2015, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa hôm nay để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Cụ thể:

- Xác định nguyên đơn nợ bị đơn số tiền là 286.000.000 đồng gốc và 74.360.000 đồng tiền lãi, tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 360.360.000 đồng.

- Yêu cầu bà D tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ gốc.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 378; các Điều 430; 433; 434; 440; khoản 1 Điều 466 BLDS. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; các Điều 271; 273; 278; 280 BLTTDS. Điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bị đơn là bà Thiệu Thị Th và ông Thiệu Văn S. Buộc bị đơn là bà Thiệu Thị Th và ông Thiệu Văn S phải thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền mua vật liệu xây dựng là 268.487.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Thiệu Thị Th về việc yêu cầu bà Lê Thị D phải thanh toán tiền nợ. Buộc bà D phải thanh toán cho bà Th số tiền nợ là 170.000.000 đồng. Vì hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc trừ đi số tiền nợ 110.000.000 đồng vay ngày 01/01/2020 âm lịch, không tính lãi vào tiền mua vật liệu xây dựng và bà Th cho bà D vay 60.000.000đ trong quá trình bà Th xây nhà. Nên đối trừ số tiền 170.000.000đ bà D nợ bà Th vào số tiền bà Th mua vật liệu xây dựng. Do đó, bà Thiệu Thị Th và ông Thiệu Văn S phải thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu sau khi trừ đi 170.000.000 đồng bà D nợ bà Th còn là 98.487.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giám định USB mà bà Lê Thị D cung cấp.

- Về án phí: Bà Th được miễn tiền án phí do là người cao tuổi. Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 01/01/2020 âm lịch bà Th cho bà D vay 110.000.000 đồng, lãi 1%/ tháng, bà Th đưa tiền cho bà D tại nhà bà Th. Bà D là người ghi vào sổ nợ của bà Th. Đến tháng 3/2020 âm lịch, gia đình bà Th xây nhà mới nên có nhờ gia đình bà D chở vật liệu xây dựng, bà Th đề nghị chuyển số tiền 110.000.000 đồng bà Th cho bà D vay ngày 01/01/2020 vào tiền lấy vật liệu xây dựng, không tính lãi nữa. Quá trình xây nhà mới, bà Th có đưa cho bà D 30.000.000 đồng và đưa cho anh N (con trai bà D) 30.000.000 đồng, tổng là 60.000.000 đồng. Gia đình bà Th thừa nhận chỉ lấy vật liệu xây dựng của mình gia đình nhà bà D cung cấp, ngoài ra không lấy của nhà nào khác. Việc này cũng được những người hàng

xóm với nhà bà Th là bà Thiệu Thị Th SN 1974 và bà Lê Thị T SN 1967, đều trú tại thôn Nhuận Th, xã Đông T, huyện Đông S xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà Th đã thừa nhận chỉ lấy mình vật liệu nhà bà D ngoài ra không lấy nhà nào khác và đồng ý với số tiền vật liệu mà bà D đưa ra là 268.487.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D có căn cứ để chấp nhận.

Đối với Video được chứa trong USB mà nguyên đơn giao nộp tại thời điểm quay video ông Thiệu Văn Đ là chồng bà D đều có mặt tại nhà bà Th, ông Đ bà D đều cùng thống nhất để ông Đ trực tiếp quay video. Tại phiên tòa ngày 16/9/2022, Hội đồng xét xử đã cho mở video cho các bên đương sự cùng xem, sau khi xem xong bà Th cho rằng giọng nói trong video không phải giọng nói của bà Th. Đồng thời, bà D yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định về giọng nói trong video có phải là giọng nói của bà Th không, video có bị cắt ghép, chỉnh sửa gì không. Do đó, HĐXX đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành giám định đối với đoạn video trên. Sau đó, Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Nhưng bà D không nộp số tiền tạm ứng chi phí tố tụng do đó, việc giám định không thực hiện được. Tuy nhiên, ngày 07/10/2022, tại biên bản lấy lời khai của bà Thiệu Thị Th, bà Th trình bày rằng: Hình ảnh, giọng nói trong video đúng là hình ảnh và giọng nói của bà Th; nội dung trong video đúng với những gì xảy ra thực tế tại nhà bà Th ngày 10/8/2021. Do đó, những nội dung trong video có cơ sở để chấp nhận.

Đối với USB mà bà Lê Thị D nộp cho Tòa án. Ngày 07/10/2022 bà Lê Thị D có đơn xin rút yêu cầu đối việc giám định USB. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giám định USB của bà Lê Thị D.

Đối với việc bà Th trình bày đã thanh toán số tiền 97.259.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng cho bà D sau khi đã trừ 170.000.000 đồng tiền bà D vay. Tuy nhiên, bà D không thừa nhận việc này mà cho rằng bà Th chưa thanh toán cho bà. Bà Th cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc bà Th đã thanh toán số tiền 97.259.000 đồng cho bà D. Tuy nhiên, trong nội dung video có đoạn khi vợ chồng bà D nhắc đến số nguyên vật liệu xây nhà, bà Th khẳng định không thanh toán số tiền vay 50.000.000đ vào tháng 7 thì sẽ không thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Như vậy, qua tình tiết này có đủ căn cứ khẳng định bà Th chưa thanh toán tiền mua nguyên vật liệu xây dựng cho bà D.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2021 và biên bản hòa giải ngày 08/11/2021 bà Thiệu Thị Th trình bày bà chấp nhận số tiền gia đình bà đã mua vật liệu của nhà bà Lê Thị D là 267.259.000 đồng và bà đã trả được 60.000.000đ cộng số tiền bà D vay lại 110.000.000đ bằng 170.000.000đ số tiền còn lại bà đã trả cho bà D. Nhưng trong sổ theo dõi nợ chưa thể hiện gạch sổ theo dõi mà bà Th cũng không chứng minh được số tiền đã trả. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận việc bà Th đã thanh toán 97.259.000 đồng cho bà D.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Th về việc yêu cầu bà D phải thanh toán số tiền nợ là 268.000.000 đồng cho bà Th. Bà Th chỉ cung cấp được chứng cứ chứng minh bà D vay 110.000.000 đồng, lãi 1%/tháng là chữ viết tay của bà D vào sổ ghi chép nợ của bà Th, ngoài ra với những khoản vay khác bà Th không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Bà D chỉ thừa nhận có vay của bà Th 110.000.000 đồng,

lãi 1%/tháng vào ngày 01/01/2020 âm lịch và 60.000.000 đồng qua 02 lần, mỗi lần 30.000.000 đồng quá trình bà Th xây nhà để ứng cho tiền mua vật liệu xây dựng, không có lãi, tổng số tiền bà D vay của bà Th là 170.000.000 đồng. Ngoài ra, từ tháng 3/2020 âm lịch, trước khi bà Th xây nhà, cả hai bên đương sự đều thừa nhận đã thỏa thuận với nhau về việc bà Th đối trừ số tiền vay 110.000.000đ vào việc lấy vật liệu xây dựng của nhà bà D, không tính lãi nữa. Do đó, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Th, buộc bà D phải thanh toán số tiền nợ là 170.000.000đ (không tính lãi) cho bà Th.

Tại phiên tòa ngày 14/10/2022 Viện kiểm sát và nguyên đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đi thẩm định số vật liệu xây dựng mà bà Th mua nhà bà D để xây nhà.

Ngày 26/10/2022 Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã làm công văn gửi Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng, Thanh Hóa.

Ngày 02/11/2022 Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng, Thanh Hóa. Căn theo chức năng nhiệm vụ tại Quyết định số 212/QĐ ngày 18/01/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa, trong đó không có chức năng thẩm định tài. Vì vậy Tòa án không thực hiện được theo yêu cầu của Viện kiểm sát và nguyên đơn.

[3] Án phí: Bà Th được miễn án phí DSST do là người cao tuổi. Bà D phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 430; 433; 434; 440; khoản 1 Điều 466 BLDS. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; các Điều 271; 273; 278; 280 BLTTDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tiểu mục b, mục 1.3 phần I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giám định USB của bà Lê Thị D.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bị đơn là bà Thiệu Thị Th và ông Thiệu Văn S về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”.

Buộc bị đơn là bà Thiệu Thị Th và ông Thiệu Văn S phải thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền mua vật liệu xây dựng nhà bà D là 268.487.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Thiệu Thị Th về việc yêu cầu bà Lê Thị D phải thanh toán tiền nợ. Buộc bà D phải thanh toán cho bà Th số tiền nợ là 170.000.000 đồng. Vì hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc trừ đi số tiền nợ 110.000.000 đồng vay ngày 01/01/2020 âm lịch, không tính lãi vào tiền mua vật liệu xây dựng và bà Th cho bà D vay 60.000.000đ trong quá trình bà Th xây nhà. Nên đối trừ số tiền 170.000.000đ bà D nợ bà Th vào số tiền bà Th mua vật liệu xây dựng. Do đó, bà Thiệu Thị Th và ông Thiệu Văn S phải thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền

mua vật liệu xây dựng là 268.487.000 đồng trừ đi 170.000.000 đồng bà D nợ bà Th. Bà Thiều Thị Th và ông Thiều Văn S còn phải trả cho bà D số tiền là 98.487.000 đồng.

- Về án phí: Bà Th được miễn án phí do là người cao tuổi.

Bà D phải chịu án phí theo giá ngạch đối với số tiền 170.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. $(5\% \times 170.000.000\text{đ}) = 8.500.000\text{đ}$. Nhưng được trừ đi số tiền 5.212.000đ bà D đã nộp tại theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005460 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bà D còn phải nộp 3.288.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn;
- Cơ quan THA Dân sự huyện Đông Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hà